TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM ĐẢO** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 7 năm 2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Hằng và ông Lê Kim Trọng

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn, Thư ký tòa án Toà án nhân dân huyện Tam Đảo

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn La, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 96/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Thị T, sinh năm 1991; nơi thường trú: Thôn Y, xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi tạm trú: Thôn Đ, xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1990; nơi thường trú: Thôn Y, xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Lưu Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân T1 kết hôn với nhau ngày 02/10/2020 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh T1 tại thôn Y, xã Y, huyện T. Tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, thương yêu nhau. Đến đầu tháng 5/2022, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau dẫn tới cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh T1 có tình cảm với người con gái khác nên không còn quan tâm đến vợ, con. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn Đ, xã Y, huyện T từ ngày 10/5/2022 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và không con quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định vợ chồng không còn

tình cảm và mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thái K, sinh ngày 10/5/2022. Hiện nay cháu K đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị đang làm tại Công ty J ở khu công nghiệp K, thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000đ, còn anh T1 đi làm công việc tự do thu nhập bao tiền thì chị không nắm được nên chị xác định có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Xuân T1 được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng anh T1 vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Cho chị Lưu Thị T ly hôn anh Nguyễn Xuân T1; Giao chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thái K, sinh ngày 10/5/2022; anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Lưu Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lưu Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Xuân T1 và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Anh T1 đăng ký thường trú và có nơi cư trú tại thôn Y, xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Xuân T1 nhiều lần nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị T và anh Nguyễn Xuân T1 kết hôn với nhau ngày 02/10/2020, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện đây là hôn nhân hợp pháp, tiến bộ. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên mâu thuẫn nên mặc dù đã được hai gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ ngày 10/5/2022 và vợ chồng anh chị ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết ly hôn, anh T1 biết việc đề nghị giải quyết ly hôn và nuôi con chung của chị T nhưng anh T1 không quan tâm và bỏ mặc để chị T tự giải quyết. Thể hiện anh T1 cũng không còn quan tâm gì đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình và tình trạng mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T và cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Chị T, anh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Thái K, sinh ngày 10/5/2022. Hiện nay cháu K đang ở cùng với chị T. Ly hôn, chị T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay cháu K đang còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) và đang sinh hoạt cùng chị T từ nhỏ. Anh T1 vắng mặt không có lý do, không đưa quan điểm và để tránh xáo trộn trong cuộc sống của cháu K nên cần chấp nhận đề nghị của chị T, giao cháu K cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị T là phù hợp.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh T1 vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của anh T1. Vì vậy, về tài sản, công nợ, công sức Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà xem xét giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lưu Thị T ly hôn anh Nguyễn Xuân T1.

[2] Về nuôi con chung: Giao chị Lưu Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thái K, sinh ngày 10/5/2022. Anh Nguyễn Xuân T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung khai ai được ngăn cản.

[3] Về án phí: Chị Lưu Thị Tuyên A chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0001707 ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đảo. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã Yên Dương, huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Mầu Văn Mùi